

Phụ lục 1

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025 của
Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ: 114 thủ tục	
I	Lĩnh vực giáo dục trung học (10 thủ tục)	
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	QT - 01
2	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	QT - 02
3	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	QT - 03
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	QT - 04
5	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT - 05
6	Tuyển sinh trung học phổ thông	QT - 06
7	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	QT - 07
8	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	QT - 08
9	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	QT - 09

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
10	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	QT - 10
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (26 thủ tục)	
1	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực	QT - 11
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT - 12
3	Cấp giấy chứng nhận đăng kí bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT - 13
4	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT - 14
5	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT - 15
6	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT - 16
7	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	QT - 17
8	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT - 18
9	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT - 19
10	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	QT - 20

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
11	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	QT - 21
12	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	QT - 22
13	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	QT - 23
14	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	QT - 24
15	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	QT – 25
16	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT – 26
17	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT – 27
18	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	QT – 28
19	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT – 29
20	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT – 30
21	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT – 31
22	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT – 32
23	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT - 33
24	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT – 34

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
25	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	QT – 35
26	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	QT – 36
III	Lĩnh vực giáo dục thường xuyên (12 thủ tục)	
1	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tư thực	QT - 37
2	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	QT - 38
3	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tư thực	QT - 39
4	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tư thực	QT - 40
5	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	QT - 41
6	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	QT - 42
7	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	QT - 43
8	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm)	QT - 44
9	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	QT - 45
10	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	QT - 46
11	Sáp nhập, chia tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	QT - 47
12	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	QT - 48

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
IV	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (12 thủ tục)	
1	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	QT – 49
2	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT – 50
3	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	QT - 51
4	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	QT - 52
5	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT - 53
6	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	QT - 54
7	Xét, cấp học bổng chính sách	QT - 55
8	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT - 56
9	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	QT - 57
10	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	QT - 58
11	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	QT - 59
12	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	QT - 60
V	Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác (19 thủ tục)	
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	QT - 61

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
2	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	QT - 62
3	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	QT - 63
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	QT - 64
5	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	QT - 65
6	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao	QT – 66
7	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao hoạt động giáo dục	QT – 67
8	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao hoạt động giáo dục trở lại	QT – 68
9	Sáp nhập, chia tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao hoạt động giáo dục	QT – 69
10	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao hoạt động giáo dục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT – 70
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	QT – 71
12	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	QT – 72
13	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	QT – 73
14	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	QT – 74
15	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	QT - 75
16	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	QT - 76

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
17	Sáp nhập, chia tách trường dành cho người khuyết tật	QT - 77
18	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT - 78
19	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	QT - 79
VI	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài (20 thủ tục)	
1	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	QT – 80
2	Phê duyệt liên kết giáo dục	QT – 81
3	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	QT – 82
4	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	QT – 83
5	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	QT – 84
6	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	QT – 85
7	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT – 86
8	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT - 87

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
9	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	QT – 88
10	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	QT – 89
11	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	QT – 90
12	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	QT – 91
13	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	QT – 92
14	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT – 93
15	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT – 94
16	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	QT – 95
17	Thành lập Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	QT – 96
18	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	QT – 97
19	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	QT – 98
20	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	QT – 99
VII	Lĩnh vực kiểm định chất lượng (04 thủ tục)	

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
1	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	QT – 100
2	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT - 101
3	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT – 102
4	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT – 103
VIII	Lĩnh vực Thi, tuyển sinh (08 thủ tục)	
1	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	QT – 104
2	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	QT – 105
3	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	QT – 106
4	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	QT – 107
5	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	QT – 108
6	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	QT – 109
7	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	QT – 110
8	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	QT – 111
IX	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	QT - 112
2	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	QT - 113

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
3	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	QT - 114